TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2023
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và bà Ngôn Thị Liêm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa*:** Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị Đơn: Anh Nông Văn H, sinh năm 1989;

Trú tại: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 18, phân trại số 4, Trại giam P, Bộ Công an có địa chỉ tại phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/4/2023 và bản tự khai ngày 22/5/2023 nguyên đơn Nông Thị H trình bày: Chị và anh Nông Văn H kết hôn ngày 23/02/2016 việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 23/02/2016. Sau kết hôn, chị về nhà chồng sinh sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến tháng 12 năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng thường xuyên đánh bạc, lô đề và có biểu hiện sử dụng ma túy. Dù vợ con đã khuyên bảo nhiều lần. Tuy nhiên không có sự thay đổi, trong thời gian khá dài và có biểu hiện sử dụng ma túy, chị nhiều lần khuyên đi cai nghiện nhưng chồng không nghe ý kiến góp ý của vợ, bỏ bê không chăm lo cho cuộc sống gia đình gây áp lực trong cuộc sống, căng thẳng. Đến ngày 25 tháng 02 năm 2021 thì anh H vi phạm pháp luật phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, nay đang chấp hành án tại Đội 18, phân trại số 4, Trại giam P, Bộ Công an có địa chỉ tại phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Do không còn tình cảm với nhau, nên chị H yêu cầu được ly hôn anh H. 02 vợ chồng có 01 con chung tên Nông Thúy H, sinh

ngày 08/01/2016, hiện nay con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2023, bị đơn Nông Văn H xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn từ khi anh H vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù nay xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Nông Thị H yêu cầu được ly hôn. Nay anh nhất trí ly hôn, yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi con anh đồng ý đồng thời anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2023 cháu Nông Thúy H trình bày: Cháu là con bố H, mẹ H hiện nay cháu đang ở cùng mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn không ở với nhau, cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ vì hiện nay bố cháu đang chấp hành án phạt tù.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H, được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn anh H;
- Về con chung: Giao con chung Nông Thúy H sinh ngày 08/01/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.
- Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn Nông Văn H có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng:* Bị đơn Nông Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến

việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Nông Thị H yêu cầu được ly hôn anh Nông Văn H, được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị H và anh Nông Văn H sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào khoảng tháng 02 năm 2015. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 23/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc; anh H thường xuyên đánh bạc, lô đề và dính vào tệ nạn xã hội là sử dụng ma túy, sau đó vi phạm pháp luật phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại Đội 18, phân trại số 4, Trại giam P, Bộ Công an có địa chỉ tại phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 10/5/2023, anh H cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014.

[5]. *Về con chung:* Giữa chị H và anh H có 01 con chung tên Nông Thúy H, sinh ngày 08/01/2016, hiện nay con đang ở cùng với chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh H đang trong thời gian chấp hành án phạt tù và cũng nhất trí để chị H nuôi con chung, nên cần giao 01 con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình để sung quỹ Nhà nước.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nông Thị H được ly hôn anh Nông Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nông Thúy H, sinh ngày 08/01/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: 0000522 ngày 25/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa dân sự TAND tỉnh Cao Bằng;
Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND huyện T;
- UBND xã C,
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Văn Viên